

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 01 - 2022

*“V/v Tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Ph

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Ng

Bà Trần Thị Mỹ H

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương N - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân Đ, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Thu Tr, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm Sơn Hà, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: Làng Mai Liên, xã M, huyện N, Nghệ An. Có mặt;

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Văn Th, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2020, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trịnh Thị Thu Tr trình bày: Chị Tr và anh Trần Văn Th trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn anh Th làm đơn ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 97/2020/QĐST-HNGĐ Ngày 04/5/2020 Tòa án nhân dân T, tỉnh Nghệ An đã Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Th và chị Tr; Về tài sản chung hai bên chưa yêu cầu, nên Tòa án chưa giải quyết phân chia.

Trong thời kỳ hôn nhân chị Tr và anh Th có tạo lập được khối tài sản chung gồm; một ngôi nhà cấp bốn trị giá 300.000.000 đồng xây vào tháng 6/2019 trên đất của anh Trần Văn Th tại Làng Mai Liên, xã V, huyện Đ; khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội cho anh Trần Văn Th tại Nông C từ đầu năm 2015 đến tháng 6/2020 là 57.641.931 đồng; trồng 1000 cây keo ba năm tuổi, 10 cây lát 3 năm tuổi trị giá 17.100.000 đồng, 01 xe máy nhãn hiệu Wave Honda trị giá 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 380.380.000 đồng. Về tài sản nợ: Vợ chồng nợ Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch T số tiền 77.091.000 đồng và nợ Quỹ tín dụng V 53.600.000 đồng

Nay do hai bên không thỏa thuận phân chia được tài sản chung, nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản chung và nợ chung trên cho chị Tr và anh Th. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và hòa giải tại Tòa án thì chị Tr và anh Th tự thỏa thuận giải quyết với nhau về phân chia các tài sản là 1000 cây keo ba năm tuổi, 10 cây lát 3 năm tuổi, 01 xe máy nhãn hiệu Wave Honda và khoản nợ Ngân hàng TMCP G – Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch C và nợ Quỹ tín dụng C, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về những tài sản này nữa, mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các tài sản là một ngôi nhà cấp bốn trị giá 300.000.000 đồng xây trên đất của anh Trần Văn Th tại Làng Mai Liên, xã V, huyện Đ và số tiền vợ chồng đóng bảo hiểm xã hội cho anh Trần Văn Th tại Nông trường Cờ Đỏ từ đầu năm 2015 đến tháng 6/2020 là 57.641.931 đồng, còn đất của anh Trần Văn Th chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, trả lại cho anh Th.

Anh Trần Văn Th trình bày: Năm 2020 do vợ chồng sống không có hạnh phúc nên hai vợ chồng thuận tình ly hôn nhau. Theo quyết định ly hôn thì mới giải quyết về tình cảm vợ chồng, con cái không có nên không giải quyết, về tài sản chung chưa giải quyết. Nay chị Tr yêu cầu giải quyết về tài sản chung sau ly hôn, anh Th đồng ý chia khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội cho anh tại Nông trường Cờ đỏ do vợ chồng tích góp đóng chia cho chị Tr 1/2 số tiền này; về ngôi

nhà cấp bốn xây dựng tháng 6/2019, anh Th thừa nhận khi làm nhà, chị Tr có rút tiền tiết kiệm vợ chồng gửi tại Ngân hàng về 30.000.000 để xây móng nhà, nhưng chị Tr chỉ đưa cho anh Th 20.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng chị Tr giữ và khi xây nhà chị Tr có vay bạn cùng cơ quan 80.000.000 đồng để về xây nhà, nhưng cũng chỉ đưa cho anh 20.000.000 đồng để xây nhà còn lại chị Tr làm gì anh không biết. Quá trình xây nhà thì chị Tr là người ở nhà nấu nước quản lý thợ làm nhà, còn anh đi lái xe thuê cả ngày tối mới về. Khi xây nhà đến khóa thùng thì chị Tr bỏ nhà đi cho nên chị Tr chỉ đóng góp một phần vào ngôi nhà. Nay anh Th chỉ đồng ý chia cho chị Tr một phần giá trị ngôi nhà là khoảng 30.000.000 đến 40.000.000 đồng, không đồng ý chia đôi cho chị Tr. Về các tài sản khác và nợ thì anh Th và chị Tr tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân Đ, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 2 Điều 147, Điều 164, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, Điều 59, khoản 1 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3, khoản 4, Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu Tr về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

2. Giao cho anh Trần Văn Th được sở hữu, quản lý và sử dụng một ngôi nhà cấp 4 hai gian, tường xây tấp lô, lợp ngói và tôn với tổng diện tích xây dựng là 83,93m², ngôi nhà có chiều dài là 10,9m và chiều rộng 7,7m trị giá ngôi nhà là 243.397.000 đồng. Ngôi nhà được xây trên thửa đất số 376 tờ bản đồ số 96 với diện tích đất là 2.226,9m² tại Làng Mai Liên, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được UBND Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Th vào ngày 30/6/2014 và giao cho anh Th được hưởng số tiền đóng Bảo hiểm xã hội tại Nông trường Cờ Đỏ từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2020 là 57.641.931 đồng, nhưng anh Trần Văn Th có nghĩa vụ trích lại cho chị Trịnh Thị Thu Tr số tiền chia tài sản chung chênh lệch do anh được nhận là 121.698.500 đồng và số tiền đóng bảo hiểm

xã hội là 28.820.965 đồng. Tổng cộng anh Th phải trích lại cho chị Trịnh Thị Thu Tr số tiền là 150.519.465 đồng. Chị Trịnh Thị Thu Tr được nhận số tiền chia tài sản chung do anh Trần Văn Th trích lại là 150.519.465 đồng (Một trăm năm mươi triệu, năm trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021 anh Trần Văn Th kháng cáo với nội dung: Về khoản tiền làm nhà, khi làm nhà chị Tr đưa cho anh chở vật liệu xây dựng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), nay chị Tr đòi chia đôi anh không đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, không nhận nội dung kháng cáo của anh Trần Văn Th, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cấp sơ thẩm chị Tr có yêu cầu và đã nộp tạm ứng án phí, sau đó chị Tr, anh Th thống nhất không yêu cầu chia một số loại tài sản chung, nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu là chưa phù hợp, đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung đình chỉ các yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của anh Trần Văn Th, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Trịnh Thị Thu Tr và anh Trần Văn Th trước đây là vợ chồng, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 97/2020/QĐST-HNGĐ Ngày 04/5/2020 Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh Th và chị Tr thuận tình ly hôn. Về tài sản chung của anh Th và chị Tr chưa giải quyết.

Anh Trần Văn Th, chị Trịnh Thị Thu Tr xác định, khối tài sản chung sau khi ly hôn chưa chia gồm các loại tài sản: Ngôi nhà cấp bốn xây dựng tháng 6/2019 trên đất của anh Trần Văn Th (Đất riêng của anh Th có trước khi kết hôn) tại Làng Mai Liên, xã V, huyện V, theo định giá 243.397.000 đồng; khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội cho anh Trần Văn Th tại Nông C từ đầu năm 2015 đến tháng 6/2020 là 57.641.931 đồng; Ngoài ra còn có một số loại tài sản chung

khác như các loại cây trồng trên đất, xe máy và các tài sản khác là tài sản chung phục vụ sinh hoạt trong gia đình hai người tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, anh Trần Văn Th xác định và thừa nhận: Ngôi nhà cấp bốn khởi công xây dựng tháng 6/2019, khi làm nhà chị Tr có rút tiền tiết kiệm vợ chồng gửi tại Ngân hàng 30.000.000 và có vay bạn cùng cơ quan 80.000.000 đồng để xây nhà. Quá trình xây nhà chị Tr là người quản lý tiền và phục vụ thợ xây nhà. Anh Th cho rằng, mặc dù chị Tr rút tiền và vay tiền là chủ yếu để tiêu dùng vào mục đích riêng và theo anh Th thì chị Tr chỉ bỏ ra khoảng 30.000.000 đồng để làm nhà, nhưng anh Th không có căn cứ để chứng minh. Và anh Th cũng không chứng minh được nguồn tiền xây dựng ngôi nhà cấp bốn là do anh Th bỏ ra hay vay mượn của người khác. Bởi vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định; buộc anh Trần Văn Th phải trích lại cho chị Trịnh Thị Thu Tr số tiền là 150.519.465 đồng trị giá tài sản chung là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của anh Trần Văn Th, không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có một số nội dung thiếu sót mà ý kiến Kiểm sát viên nêu tại phiên tòa phúc thẩm, cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm mà không cần thiết đình chỉ các nội dung các đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Th không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Th, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 59, khoản 1 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu Tr về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1. Giao cho anh Trần Văn Th được sở hữu, quản lý và sử dụng một ngôi nhà cấp 4 hai gian, tường xây táp lô, lợp ngói và tôn với tổng diện tích xây dựng là

83,93m², ngôi nhà có chiều dài là 10,9m và chiều rộng 7,7m trị giá ngôi nhà là 243.397.000 đồng. Ngôi nhà được xây trên thửa đất số 376, tờ bản đồ số 96, diện tích 2.226,9m², tại Làng Mai Liên, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Th ngày 30/6/2014 và giao cho anh Th được hưởng số tiền đóng Bảo hiểm xã hội tại nông trường Cờ đỏ từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2020 là 57.641.931 đồng, nhưng anh Trần Văn Th có nghĩa vụ trích lại cho chị Trịnh Thị Thu Tr số tiền chia tài sản chung chênh lệch do anh được nhận là 121.698.500 đồng và số tiền đóng bảo hiểm xã hội là 28.820.965 đồng. Tổng cộng anh Th phải trích lại cho chị Trịnh Thị Thu Tr số tiền là 150.519.465 đồng. Chị Trịnh Thị Thu Tr được nhận số tiền chia tài sản chung do anh Trần Văn Th trích lại là 150.519.465 đồng (Một trăm năm mươi triệu, năm trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Trịnh Thị Thu Tr phải chịu 7.252.973 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.500.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự C, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0007182 ngày 17/12/2020 (Số tiền còn lại hoàn trả cho chị Tr).

2.2. Anh Trần Văn Th phải chịu 7.252.973 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tiền số 0005560 ngày 14/10/2021.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Trần Văn Th hoàn trả cho chị Trịnh Thị Thu Tr số tiền 1.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung

năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An
- TAND h. Nghĩa Đàn;
- Chi cục THADS h. C;
- UBND xã c;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ph